

Số: **33** /GPMT-UBND

Đắk Nông, ngày **19** tháng 11 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật
Bảo vệ môi trường;*

*Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 1711/CV-QS ngày 17 tháng 11 năm 2023
của Công ty TNHH chăn nuôi Quảng Sơn về việc giải trình chỉnh sửa và đề nghị
cấp giấy phép môi trường của Trang trại chăn nuôi heo Quảng Sơn, quy mô
2.700 con heo nái và 42.000 heo thịt;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
279/TTr-STNMT ngày 28 tháng 11 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH chăn nuôi Quảng Sơn, địa chỉ tại thôn Quảng Tiến, xã Quảng Sơn, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Trang trại chăn nuôi heo Quảng Sơn, quy mô 2.700 con heo nái và 42.000 heo thịt, tại khoảnh 4 tiểu khu 1685 và khoảnh 6 tiểu khu 1679, xã Quảng Sơn, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Trang trại chăn nuôi heo Quảng Sơn.

1.2. Địa điểm hoạt động: khoảnh 4 tiểu khu 1685 và khoảnh 6 tiểu khu 1679, xã Quảng Sơn, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3603646712 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở

Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp lần đầu ngày 31/05/2019 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27/12/2021.

1.4. Mã số thuế: 3603646712.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chăn nuôi heo tập trung bằng công nghệ cao, chuồng lạnh, khép kín và bán tự động.

1.6. Phạm vi, quy mô của cơ sở:

- Phạm vi: Tại khoảnh 4 tiểu khu 1685 và khoảnh 6 tiểu khu 1679, xã Quảng Sơn, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

- Quy mô:

Tổng diện tích đất sử dụng là 264.678 m², trong đó:

+ Diện tích xây dựng các hạng mục công trình chính: 65.578,97 m²;

+ Diện tích các công trình phụ trợ: 14.320,65 m²;

+ Diện tích công trình bảo vệ môi trường: 43.598,68 m²;

+ Diện tích đất trồng cây xanh, thảm cỏ: 141.179,71 m².

Quy mô chăn nuôi: 2.700 con heo nái và 42.000 heo thịt/lứa; chăn nuôi heo thịt 02 lứa/năm.

Là dự án đầu tư nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công) và thuộc nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH chăn nuôi Quảng Sơn

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có các trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện

pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc tái sử dụng nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nêu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm**, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Trang trại được cấp phép theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, XD, NN&PTNT;
- UBND huyện Đắk Glong;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Công ty TNHH chăn nuôi heo Quảng Sơn;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT(va).

4

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trọng Yên



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **33** /GPMT-UBND ngày **29** tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt.
- Nguồn số 2: Nước thải chăn nuôi.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Nước thải chăn nuôi được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Trang trại (công suất 900 m³/ngày (24 giờ)) để xử lý, nước thải sau xử lý được lưu trữ tại hồ chứa nước thải sau xử lý (có lót bạt) sau đó tuần hoàn, tái sử dụng toàn bộ cho các hoạt động của Trang trại (vệ sinh, làm mát chuồng trại và tưới gốc cây trồng (cây lâm nghiệp và cây dược liệu) trong khuôn viên Trang trại) không xả thải ra môi trường.

2.2. Vị trí xả nước thải: Trang trại chăn nuôi heo Quảng Sơn, tại khoảnh 4 tiểu khu 1685 và khoảnh 6 tiểu khu 1679, xã Quảng Sơn, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

Tọa độ vị trí xả nước thải (*hồ chứa nước thải sau xử lý để tuần hoàn, tái sử dụng tưới gốc cây trồng trong Trang trại*): X = 1.340.753; Y = 427.858 (Tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 180⁰30', múi chiếu 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: Không xả thải ra môi trường.

+ Lưu lượng nước tái sử dụng cho hoạt động vệ sinh, làm mát chuồng trại là: 643,7 m³/ngày (24 giờ).

+ Lưu lượng nước tái sử dụng cho tưới gốc cây trồng là: 100,5 m³/ngày (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải chăn nuôi sau hệ thống xử lý nước thải tập trung bơm về hồ chứa nước sau xử lý và được bơm về khu chuồng trại tuần hoàn, tái sử dụng; bơm lên hệ thống tưới gốc cho cây trồng.

2.3.2. Chế độ xả nước thải:

Nước thải tái sử dụng cho hoạt động vệ sinh, làm mát chuồng trại và tưới gốc cho cây trồng trong khuôn viên trang trại: Xả nước thải là gián đoạn, theo thời điểm vệ sinh chuồng, làm mát và tưới gốc cây.

2.3.3. Chất lượng nước thải chăn nuôi sau xử lý để tái sử dụng phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột A, K_q = 0,9; K_f = 1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN

01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột A, Kq=0,9, Kf=1)	QCVN 01-195:2022/BNNPTNT	
1	pH	-	6 - 9	5,5 - 9	3 tháng/lần
2	BOD ₅	mg/l	40	-	
3	COD	mg/l	100	-	
4	TSS	mg/l	50	-	
5	Tổng N	mg/l	50	-	
6	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.000	-	
7	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	-	≤ 600	
8	Asen (As)	mg/l	-	≤ 0,1	
9	Cadimi (Cd)	mg/l	-	≤ 0,01	
10	Crom tổng số (Cr)	mg/l	-	≤ 0,5	
11	Thủy ngân (Hg)	mg/l	-	≤ 0,002	
12	Chì (Pb)	mg/l	-	≤ 0,05	
13	E.coli	MPN/100ml	-	> 1.000 – 5.000	

Ghi chú: Khuyến khích thực hiện lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để theo dõi, giám sát hệ thống xử lý nước thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

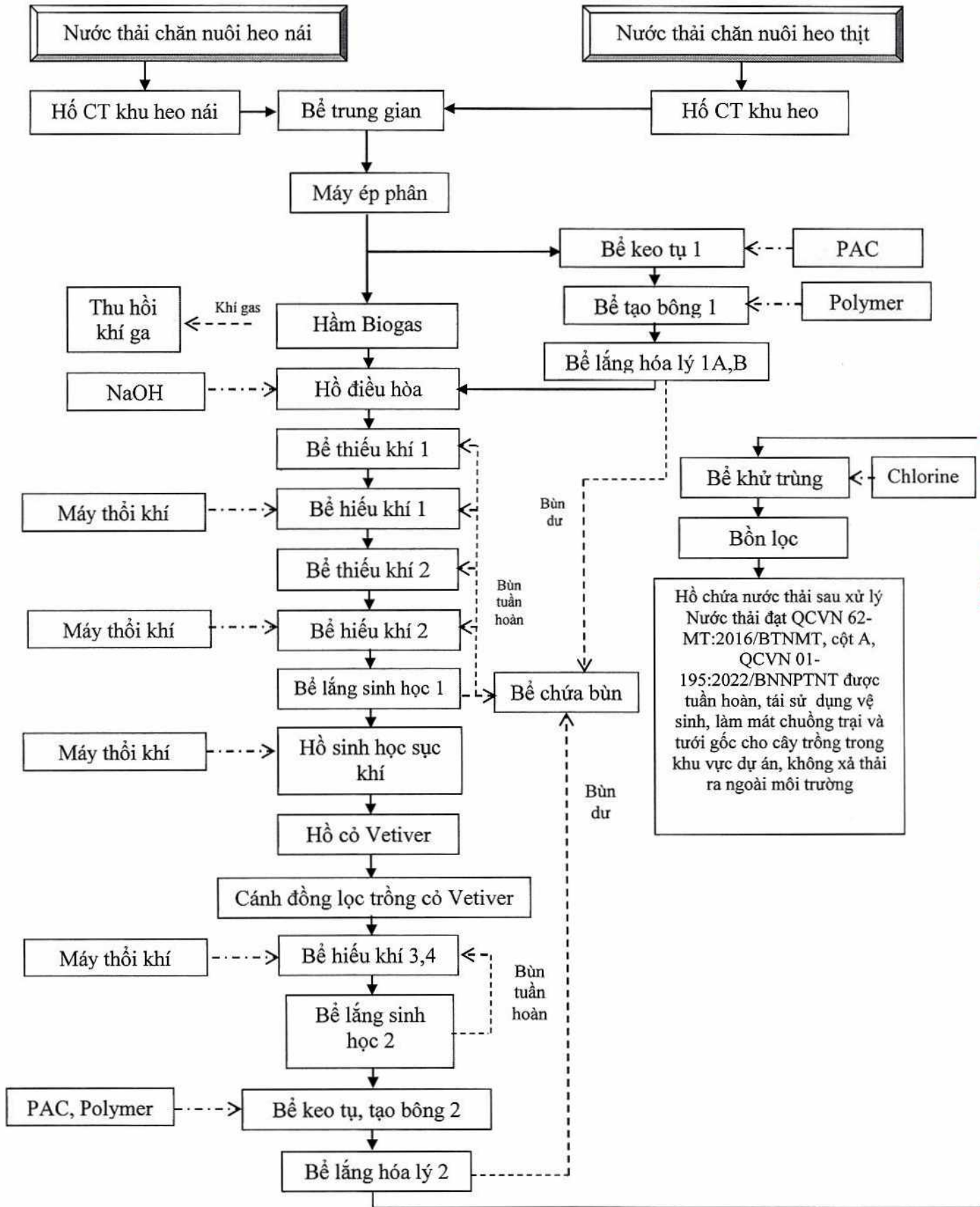
- Nước thải sinh hoạt: phát sinh từ nhà vệ sinh của nhà ở công nhân, khu nhà ăn được thu gom và xử lý bằng hầm tự hoại 3 ngăn sau đó tự thấm.

- Hệ thống thu gom nước thải chăn nuôi: Được thu gom tách riêng khỏi hệ thống thoát nước mưa. Nước thải khu chuồng nuôi heo thịt, heo nái được thu gom về hố thu gom, bể trung gian sau đó bơm về khu vực ép phân, nước thải sau đó được bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Trang trại.

Tất cả hệ thống mương thu gom nước thải từ khu vực chuồng bằng bê tông cốt thép có nắp đậy, độ dốc 1,5 % chiều dài tổng cộng khoảng 298 m; 867 m ống dẫn nước thải PVC D168 về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải chăn nuôi tại Trang trại như sơ đồ sau:



- Công suất thiết kế: 900 m³/ngày (24 giờ).
- Kích thước các hồ, bể của hệ thống xử lý nước thải như sau:

STT	Hạng mục thiết kế	Kích thước LxBxH (m)	Thể tích V(m ³)	Số lượng	Cấu tạo
1	Hồ CT	D=12, H=5	565,2	2	BTCT, Silka chống thấm
2	Hầm biogas	120x60x5	31.200	1	Hồ đất, lót và phủ bạt HDPE
3	Hồ điều hòa	60x70x5	21.000	1	Hồ đất, lót bạt HDPE
4	Bể trung gian	2,75x2,75x5	37,81	1	BTCT, Silka chống thấm
5	Cụm bể xử lý hóa lý 1				
5.1	Bể keo tụ 1	7,75x2,75x5	106,56	1	BTCT, Silka chống thấm
5.2	Bể tạo bông 1	7,75x2,75x5	106,56	1	BTCT, Silka chống thấm
5.3	Bể lắng hóa lý 1A	6,25x5,75x5	179,68	1	BTCT, Silka chống thấm
5.4	Bể lắng hóa lý 1B	6,25x5,75x5	179,68	1	BTCT, Silka chống thấm
6	Cụm bể xử lý sinh học 1				
6.1	Bể hiếu khí 1	23,75x9,25x5	1.098,43	1	BTCT, Silka chống thấm
6.2	Bể thiếu khí 1	23,75x9,25x5	1.098,43	1	BTCT, Silka chống thấm
6.3	Bể hiếu khí 2	10,25x10,25x5	525,31	1	BTCT, Silka chống thấm
6.4	Bể thiếu khí 2	10,25x10,25x5	525,31	1	BTCT, Silka chống thấm
6.5	Bể lắng sinh học 1	10,25x2,75x5	140,93	1	BTCT, Silka chống thấm
7	Hồ sinh học sục khí	45x40x5	9.000	1	Hồ đất, lót bạt HDPE
8	Hồ cỏ Vetiver	45x40x5	9.000	1	Hồ đất, lót bạt HDPE
9	Cánh đồng lọc trồng cỏ Vetiver	-	20.216	1	Hồ đất, lót bạt HDPE
10	Cụm bể xử lý sinh học 2				
10.1	Bể hiếu khí 3	23,75x7,25x5	860,93	1	BTCT, Silka chống thấm
10.2	Bể hiếu khí 4	23,75x7,25x5	860,93	1	BTCT, Silka chống thấm
10.3	Bể lắng sinh học 2	9,75x4,55x5	221,81		
11	Cụm hóa lý 2				
11.1	Bể khử màu	3,25x2,15x5	34,93	1	BTCT, Silka chống thấm
11.2	Bể lắng hóa lý 2	10,25x4,55x5	233,18	1	BTCT, Silka chống thấm
12	Bể khử trùng	3,25x2,15x5	34,93	1	BTCT, Silka chống thấm
13	Bồn lọc áp lực	H=2.0, D=1.2		2	Bồn sắt, sơn Epoxy 2 lớp
14	Bể chứa bùn	2,75x2,75x5	37,81	1	BTCT, Silka chống thấm
15	Hồ chứa nước thải sau xử lý	50x35x5	8.750	1	Hồ đất, lót bạt HDPE

STT	Hạng mục thiết kế	Kích thước LxBxH (m)	Thể tích V(m ³)	Số lượng	Cấu tạo
16	Hồ sục cố	60x70x5	21.000	1	Hồ đất, lót bạt HDPE

- Bùn hóa lý được đưa về khu vực ủ (thể tích 37,81m³) sau đó một phần bổ sung cho khu vực nuôi trùn quế và còn lại bón cây trồng trong khuôn viên của Trang trại.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH 99%; PAC 30%; Polymer anion; NaOCl 10% (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước sau xử lý đạt yêu cầu).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom, thoát nước thải đảm bảo thu gom triệt để toàn bộ lượng nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung. Bảo đảm hệ thống xử lý nước thải hoạt động ổn định, hiệu quả xử lý cao.

- Bố trí nhân viên có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm vận hành hệ thống xử lý nước thải cũng như các công trình, hệ thống xử lý chất thải khác.

- Vận hành đúng thông số kỹ thuật và thường xuyên giám sát nước thải theo đúng quy định để có cơ sở theo dõi chất lượng nước thải đầu ra.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường cống, rãnh thoát nước; hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng các chất bẩn.

- Bố trí máy bơm, đường ống, tủ phân phối điện cố định và máy bơm dự phòng công suất tương đương để thay thế bơm xử lý nước thải khi có sự cố.

- Đối với những khu vực có nền đất yếu như bờ của các hồ xử lý nước thải và hồ chứa nước thải sau xử lý sẽ được gia cố, đầm nén chặt và trồng bổ sung cây xanh ở những khu vực vị trí xung yếu, bờ có độ dốc cao.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, nước thải sẽ được lưu giữ, luân chuyển trong các bể của hệ thống xử lý nước thải. Đối với trường hợp hệ thống xử lý nước thải có sự cố nghiêm trọng, chưa thể khắc ngay, nước thải sẽ được bơm vào hồ sục cố để lưu trữ tạm thời.

- Trường hợp chất lượng nước thải không đạt QCVN 62-MT:2016/BTMT, cột A và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT (phát hiện thông qua một số sự cố trong quá trình chăn nuôi hoặc qua công tác kiểm tra nước thải đầu ra định kỳ), phải dừng ngay việc tuần hoàn, tái sử dụng cho các hoạt động của trang trại, kiểm tra tìm kiếm lỗi phát sinh để khắc phục kịp thời. Sau khi kiểm tra, khắc phục (lấy mẫu phân tích các thông số ô nhiễm cho đến khi đạt yêu cầu), nước thải sau xử lý tiếp tục được tuần hoàn, tái sử dụng cho các hoạt động của Trang trại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 6 tháng kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 900 m³/ngày (24 giờ).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí:

+ 01 Vị trí nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải.

+ 01 Vị trí nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

2.2.3. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm.

Trong quá trình vận hành, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại QCVN 62-MT:2016/BTMT, cột A và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT.

2.2.4. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (theo cam kết của chủ đầu tư), cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải ít nhất 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích 05 mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải);

- Giai đoạn vận hành ổn định: ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh. Tần suất quan trắc nước thải ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 7 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Trang trại, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi tuần hoàn, tái sử dụng. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại QCVN 62-MT:2016/BTMT, cột A và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT và phải dừng ngay việc tuần hoàn, tái sử dụng nước thải sau xử lý cho các hoạt động của Trang trại để thực hiện các biện pháp khắc phục, sau khi khắc phục hệ thống xử lý nước thải mới bơm trở lại hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục quá trình xử lý, bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải.

- Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị và thường xuyên kiểm tra hiệu suất của các hạng mục công trình xử lý nước thải để đảm bảo nước thải được xử lý theo đúng quy chuẩn, quy định hiện hành, tránh xảy ra các sự cố môi trường.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc đầy đủ các trách nhiệm quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có thẩm quyền và chính quyền địa phương trong việc kiểm tra, giám sát hệ thống xử lý chất thải theo đúng quy định.

- Thực hiện công bố hợp quy và đăng ký công bố hợp quy theo đúng quy định khi trang trại có nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng áp dụng QCVN 01-195:2022/BNNPTNT; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường./.



Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **33** /GPMT-UBND ngày **29** tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

+ Nguồn số 1: Tiếng ồn từ nhà vận hành hệ thống xử lý nước thải.

+ Nguồn số 2: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của quạt hút.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Quạt hút sau các dãy chuồng, khu vực hệ thống xử lý nước thải.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tiếng ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	55	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Đối với tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của quạt hút:

+ Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng quạt. Bôi trơn ổ bi, vệ sinh cánh quạt và tấm mở của quạt.

+ Đảm bảo mật độ cây xanh của cơ sở.

- Đối với tiếng ồn phát sinh từ máy bơm nước thải, máy phát điện dự phòng:

+ Bố trí buồng cách âm với lớp vật liệu hút âm ở mặt trong đối với nhà đặt máy phát điện.

+ Bố trí khu vực đặt máy bơm nước thải cách ly với khu vực nhà ở công nhân, chuồng trại chăn nuôi.

+ Lắp đặt máy móc, thiết bị đúng quy cách, có đệm chống ồn và chân kê cố định chống rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: (không).

- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động, kiểm soát tiếng ồn, độ rung để không gây ảnh hưởng đến công nhân trong khu vực Trang trại và người dân gần khu vực Trang trại./.



Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 33 /GPMT-UBND ngày 19 tháng 11
năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
I Chất thải nguy hại dạng rắn					
1	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	7	Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	6	
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu không nêu tại mã khác) giặt lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	7	
4	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn	13 02 02	80	
5	Bao bì cứng thải (không chứa hóa chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ như bao bì hóa chất độc hại, vỏ chai thuốc thú y,...)	Rắn	14 01 06	179	
6	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại	Rắn/lỏng/bùn	14 02 02	144	
7	Gia súc, gia cầm chết (do dịch bệnh)(*)	Rắn	14 02 01	-	Xử lý tại Hồ hủy xác dự phòng trong khuôn viên trang trại
II Chất thải nguy hại dạng lỏng					
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	50	Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định
Tổng				473	

(*): Chỉ phát sinh khi có sự cố dịch bệnh xảy ra.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn chăn nuôi thông thường phát sinh

- Phân heo: phân heo sau khi tách ra khỏi nước thải có khối lượng khoảng 48.052,5 kg/ngày.

- Bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải: khoảng 3.022 kg/ngày.
- Giấy làm mát tại dàn lạnh trước mỗi dãy chuồng bình quân 5 năm thay 1 lần, mỗi lần thay khoảng 4,6 tấn.
- Xác heo chết do bệnh thông thường và nhau thai: xác heo 1.200 kg/tháng, tương đương 40 kg/ngày và nhau thai là 562 kg/tháng, tương đương 18,73 kg/ngày.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát

Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường để có biện pháp quản lý phù hợp.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải sinh hoạt phát sinh

- Chủng loại: rác thải sinh hoạt như: vỏ lon, chai nhựa, bì giấy, bao bì, thức ăn thừa...
- Khối lượng phát sinh: khoảng 15 kg/ngày, tương đương 5,47 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn chăn nuôi thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa HDPE, dung tích 120 lít, có dán nhãn.
- Kho lưu chứa trong nhà:
 - + Diện tích kho lưu chứa trong nhà: 24 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Kho xây gạch, nền bê tông, tường xây gạch tô 2 mặt, sơn nước; cột BTCT, mái lợp tôn. Có dán biển cảnh báo, có bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, rãnh thoát nước mưa xung quanh tránh nước mưa chảy tràn vào bên trong... theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn chăn nuôi thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Bao bì
- Khu vực lưu chứa, ủ phân sau khi ép:
 - + Diện tích khu vực chứa phân heo sau khi ép: Diện tích 20m²; kết cấu: xây tường, phủ bạt thu hồi khí
 - + Chuồng nuôi trùn quế: Diện tích 3.000 m².

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa rác tập trung bằng nhựa có nắp đậy, dung tích 120 lít và thùng rác 10 lít tại mỗi phòng làm việc, nhà ở công nhân.
- Khu vực lưu chứa: Thùng rác được bố trí tại các khu vực nhà ở công nhân, nhà ăn, khu vực nhà điều hành và nhà để rác tập trung, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

- Diện tích khu vực để rác: 40m²
- Thiết kế, cấu tạo của nhà để rác: nhà 1 tầng, nền bê tông đánh nhám, tường xây gạch tô 2 mặt, sơn nước; cột BTCT; mái lợp tôn.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải

3.1. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải nguy hại (nếu có):

Không tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải nguy hại; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

3.2. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn chăn nuôi thông thường:

✓ Xử lý xác heo chết do bệnh thông thường và nhau thai:

Ủ bằng hầm hủy xác với diện tích 15 m², hầm bê tông kín, bọc lưới xung quanh, định kỳ phun chế phẩm.

✓ Nuôi Trùn Quế:

- Loại chất thải tự tái chế, tái sử dụng: Phân heo, bùn từ hệ thống xử lý nước thải.

- Khối lượng chất thải tự tái chế, tái sử dụng:

+ Phân heo: 48.052,5 kg/ngày, tương đương với 17.539,16 tấn/năm.

+ Bùn từ hệ thống xử lý nước thải: 3.022 kg/ngày, tương đương với 1.103,03 tấn/năm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ tái chế, tái sử dụng:

+ Phân heo sau tách và bùn từ hệ thống xử lý nước thải sẽ được đưa về khu vực nuôi trùn quế, với diện tích 3.000 m².

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, sự cố trong quá trình vận hành dự án, sự cố trong quá trình vận hành các hệ thống xử lý nước thải và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Trong trường hợp xảy ra dịch bệnh chết hàng loạt, biện pháp xử lý thực hiện theo Điều 30 Luật Thú y về xử lý bắt buộc động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh và sản phẩm động vật mang mầm bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch, danh mục bệnh truyền lây giữa động vật và người hoặc phát hiện có tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng

ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.



Phụ lục 4

YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 33 /GPMT-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải, công trình xây dựng; hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.

2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này, các nội dung đề xuất trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành.

3. Quản lý các chất thải, mùi phát sinh trong quá trình hoạt động của Trang trại bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

5. Đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp sự cố môi trường xảy ra do vận hành cơ sở.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

7. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của Trang trại cho cơ quan cấp Giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

8. Trường hợp có thay đổi tên chủ đầu tư thì chủ đầu tư mới có trách nhiệm tiếp tục thực hiện giấy phép môi trường và thông báo cho cơ quan cấp giấy phép môi trường biết để được cấp đổi giấy phép.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

10. Đảm bảo đủ kinh phí và thực hiện nghiêm chương trình giám sát môi trường, báo cáo kết quả theo quy định; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra./.